

## TÍNH THỜI SỰ - MỘT ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA NGÔN NGỮ VĂN XUÔI HIỆN THỰC PHÊ PHÁN VIỆT NAM (1930 - 1945)

TS LÊ HỒNG MY

**Abstract:** In the turbulent society of 1930 - 1945, the Vietnamese critical realistic writers actively reflected the urgent social issues in their works. The current social events were abundant in each work and on each page. By using the topical language system, the writers authentically described the real life and successfully transmitted the atmosphere of new current events of the time into the works. This is a remarkable feature and success of critical realistic Vietnamese prose (1930 - 1945).

**Key words:** *critical realism, Vietnam, topicality, languages, features, success.*

### 1. Dẫn nhập

Theo các nhà văn lãng mạn: “Chi có trí tưởng tượng sáng tạo bay bổng theo tùy hứng của người nghệ sĩ chẳng phục tùng luật lệ và phép tắc nào cả mới có năng lực truyền đạt được những động thái của cuộc sống” [2, 165]. Các nhà văn hiện thực lại quan niệm: nghệ thuật đích thực phải “xa lạ với văn chương phù phiếm, không thích những sự mơ mộng” [2, 171]; nhà văn hãy “mở hồn ra, đón những vang động của đời” (Nam Cao). Mĩ học hiện thực chủ nghĩa đề cao tính khách quan của sự thể hiện nghệ thuật, chú trọng “những hình thức của bản thân đời sống”. Chịu sự chi phối của nguyên tắc mĩ học và quan điểm sáng tác của chủ nghĩa hiện thực, ngôn ngữ văn xuôi hiện thực phê phán Việt Nam rất giàu tính thời sự. Các nhà văn hiện thực có ưu thế đặc biệt trong việc sử dụng nguồn chất liệu được khai phá và đào

luyện từ ngôn ngữ của đời sống chính trị - xã hội đương thời.

Những năm 1930 - 1945 ở nước ta, khi trào lưu văn học hiện thực phê phán phát triển mạnh trên văn đàn công khai cũng là thời gian diễn ra nhiều sự kiện sôi động trong đời sống xã hội. Lúc này, những phong trào xã hội sôi nổi của giai đoạn trước (phong trào cổ động học chữ quốc ngữ; phong trào cổ động đọc Tân thư, Tân văn...) đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của nó. Nhưng những phong trào xã hội khác lại tiếp nối, tạo nên bầu không khí xã hội nóng bỏng. Trước tình hình đó, bọn thực dân, phong kiến càng ra sức cổ xúy cho các phong trào *Ấu hóa, Vui về trẻ trung, thành lập Hội đồng dân biểu, phong trào Phục cổ, Bảo tồn quốc hồn quốc túy...* để che đậy những thủ đoạn bóc lột tàn nhẫn của chúng. Từ bùn đen nô lệ, quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của

Đảng đã vùng dậy làm nên cuộc bão táp cách mạng 1930 - 1931, *Lập Xô viết giữ non sông Hồng Lạc*; tiếp theo là cao trào *Mặt trận bình dân*, cao trào *Mặt trận Việt minh*, dẫn đến sự thành công của Cách mạng tháng Tám (1945). Hoàn cảnh sáng tác cũng là một yếu tố quan trọng góp phần tạo nên tính thời sự của ngôn ngữ văn xuôi hiện thực phê phán Việt Nam, biểu hiện tập trung ở khả năng tiếp nhận nhanh nhạy và sử dụng sáng tạo ngôn ngữ đời sống để phản ánh kịp thời những hiện tượng, sự kiện nóng bỏng của thời cuộc.

## 2. Màu sắc thời sự trong ngôn ngữ văn xuôi hiện thực phê phán 1930 - 1945

### 2.1. Phản ánh cập nhật những vấn đề thời sự sôi động ở thành thị

Trong không khí xã hội đầy biến động, thực hiện sứ mệnh “*thư kí trung thành của thời đại*”, không ngậm ngùi tiếc thương dĩ vãng hoặc mộng tưởng xa xôi, các nhà văn hiện thực đã chủ động nhập cuộc, nắm bắt kịp thời các biến động xã hội, khẩn trương đưa “*việc hiện thời*”, “*người đương thời*”, vào tác phẩm.

Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, nạn thất nghiệp và tình trạng khốn khổ của hạng người nghèo phải bán sức lao động kiếm sống là một thảm trạng trong đời sống xã hội thành thị. Hiện tượng xã hội đó đã trở thành đề tài phóng sự của Vũ Trọng Phụng (*Cơm thầy cơm cô*), trong nhiều truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan (*Kép Tư Bền, Ngựa người và người ngựa, Thanh!, Dạ!, Thăng Quýt, Phành phạch, Được chuyển khách...*). Có thể liệt kê hàng loạt từ ngữ trong các tác phẩm nêu

trên nói về tình trạng thất nghiệp của người lao động ở thành thị: *đói khách, lang thang, mất ít ruồi nhiều, không có một ai lên xe, không kiếm đủ ăn, tranh được chuyển khách, tranh cơm cướp áo, bao giờ mới có việc, bọn thất nghiệp, không kiếm được việc, bán người, xoay ra nghề gì?*, v.v... Trong những trường hợp trên, ngôn ngữ văn chương và ngôn ngữ đời sống, văn chương và cuộc sống gần như hòa nhập. Các nhà văn đã mạnh dạn dùng ngôn ngữ của chính bản thân đời sống để nói lên “*sự thật ở đời*”.

Văn học hiện thực phê phán phản ánh sâu sắc tình trạng khốn cùng của người lao động, một vấn đề nhức nhối của đời sống hiện thực. Nhiều tác phẩm lỗi cuốn được sự chú ý của người đọc ở nội dung giàu tính thời sự với thông tin ngắn gọn, súc tích. Nguyễn Công Hoan, Trọng Lang viết về nghề phu xe với những đoạn văn đậm chất phóng sự điều tra:

*Hơn mười năm cầm càng xe, anh Tiêu cho rằng như thế anh cũng đã là dai sức. Vì mắt anh từng thấy các bạn không chịu được những nổi nhọc nhằn của nghề. Có người mới được vài hôm, đã phải một trận ốm thừa sống thiếu chết. Có người mới kéo xe được ba, bốn năm, đành xoay nghề khác nhẹ nhõm hơn. Có người không kiếm đủ ăn, phải chịu bó tay thất nghiệp, và đi ăn cắp, ăn trộm. Có người bị những trận đòn ghê gớm của cai mà thành ra què quặt, mang tật suốt đời...*

(*Được chuyển khách*, Nguyễn Công Hoan).

*Nghề làm phu xe thật khổ (...). Dẫu mưa dãi nắng để đến lúc động ốm là ốm thật lâu, để đến nổi phải tống về đi làm thuê kiếm hai bữa cơm*

*chính cho mình và bày xu một ngày  
để mua khoai và gạo cho con.*

(Làm dân, Trọng Lang)

Nguyễn Hồng miêu tả tỉ mỉ, chi tiết cuộc sống lay lắt của hạng người lao động nghèo khổ ở nơi bến tàu, bến cảng lâm vào cảnh cùng quẫn:

*Một gian nhà lá lụp xụp, thuê tám hào một tháng. (...). Năm cái miệng sì sụp húp những bát cháo loãng bồng chia nhau những ngày mưa dầm, gió lạnh...*

(Nhà bố Nấu)

*Những đêm đông rét mướt cũng như những đêm hè oi nồng, bố con Nhân chỉ có thể lê la nay xó chợ này, mai xó chợ khác, hết ở dưới những mái hiên trong các phố vắng vẻ thì lại nằm vạ vật ở gâm cầu, bãi cát, bờ sông.*

(Đẩy bóng tối)

Trong những tác phẩm phản ánh cuộc sống của người lao động nghèo thành thị, người đọc gặp nhiều từ ngữ mang sắc thái “âm tính” mà các nhà văn hiện thực phê phán đã sử dụng để miêu tả trạng thái của hoàn cảnh và nhấn mạnh vấn đề thời sự được đề cập khiến cho nổi vất vả, cực nhọc, cùng quẫn của tầng lớp người “dưới đáy” xã hội thị thành hiện lên cụ thể, giàu sức thuyết phục.

Khi phản ánh sự trụy lạc ở thành thị như nạn cờ bạc, nghiện hút, đi điếm..., các nhà văn hiện thực, chẳng hạn Vũ Trọng Phụng, đã không ngần ngại “mang vào” những từ ngữ “nóng rẫy”, “bạo liệt” vào tác phẩm của mình để phơi trần cảnh đời đen tối, tình trạng thất nghiệp... những hệ quả thể thảm của chế độ thực dân phong kiến đương thời:

*Nó đã làm cho giá một con người phải ngang hàng với giá loài vật; nó đã làm cho bọn trẻ đực phải vào Hòa Lò và một đám trẻ cái làm nghề mài dăm.*

(Cơm thầy cơm cô)

Trong câu văn trên, những cụm từ *bọn trẻ đực, đám trẻ cái, nghề mài dăm* khiến người đọc không chỉ nhận biết về “sự thực ở đời”, mà còn phải trầm trồ, suy nghĩ, truy tìm nguyên nhân của những sự bi thương đó.

Cũng hướng vào mục đích phản ánh tình trạng trụy lạc của thanh niên đương thời, Trương Tửu sử dụng hàng loạt những từ ngữ thời sự “nhạy cảm”:

*Không lúc nào bằng lúc này, thanh niên đem cả thông minh tiêu phí vào khói thuốc phiện, đem cả danh dự ném vào chiếc đệm bông, đem cả tương lai vứt vào bài tăng gô, đem cả cuộc đời quăng vào một hộp đêm;*

*...trong một xã hội mà đặt chân vào một xó tối nào cũng gặp một gái đi, dạo chơi hè phố nào cũng chạm trán một tên ma cô;*

*... trong một xã hội mà rạp chiếu bóng là buồng đợ của nhục dục, công viên là cung điện của dâm thân... Trong một xã hội như thế, thanh niên tránh thế nào được sự trụy lạc? Kết án họ là ngu độn?*

(Thanh niên S.O.S)

Tên tác phẩm cũng toát lên những vấn đề bức xúc của hiện thực: *Làm đi, Cạm bẫy người, Kỹ nghệ lấy Tây* (Vũ Trọng Phụng); *Trong làng chạy* (Trọng Lang); *Khói ken - nếp và xà lim* (Nguyễn Hồng); v.v... Có thể thấy rằng tính khuynh hướng, tính thời sự thể hiện ngay trong nhan đề của tác phẩm. So sánh với những nhan đề: *Hồn bướm mơ tiên, Gánh hàng hoa, Nửa chừng*

*xuân, v.v...* của Tự lực văn đoàn, hoặc *Chân trời cũ* của Hồ Dzếnh, *Dưới bóng hoàng lan* của Thạch Lam, *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân... càng thấy rõ điểm khác biệt giữa văn chương lãng mạn và văn chương hiện thực trong tiêu chí lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ. Để có thể “đột phá” vào những vấn đề thời sự cấp bách, các nhà văn hiện thực đã mạnh dạn vận dụng và đã vận dụng thành công cả những từ ngữ mà giới văn chương lãng mạn cùng thời cho là “sống sượng” không thể dung nạp vào ngôn ngữ nghệ thuật.

Phong trào “Âu hóa”, phong trào “Bình dân” và những vấn đề bức bối trong làn sóng dư luận xã hội về “Nghị trường”, “Viện dân biểu”... cũng tạo nên hiệu ứng ngôn từ trong nhiều truyện ngắn, phóng sự, tiểu thuyết hiện thực như: *Cô Kiều - gái tân thời*, *Tinh thần thể dục* của Nguyễn Công Hoan; *Giông tố*, *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng. Nhiều từ ngữ chính trị - xã hội và từ ngữ “thời thượng” đã trở thành phương tiện đắc dụng giúp các nhà văn hiện thực lật tẩy vấn đề chính trị *dân chủ, văn minh, bình dân* giả hiệu của chính quyền thực dân - phong kiến: *nhà tư bản, nhà điền chủ, xét xử công minh, nhân dân đại biểu, cuộc điều tra, đặc phái viên, nhà chức trách, pháp luật hiện hành, ngọn đèn công lí, đảng quốc gia, đảng quốc tế, tư tưởng quốc gia, nước Pháp bình dân...* (*Giông tố*); *kiêu vũ, thể thao, sân quần, nhà thể thao, phong trào Bình dân, bình dân Việt Nam, Bình dân vạn tuế!, Âu phục, y phục tân thời, cuộc canh tân, cải cách xã hội, cuộc Âu hóa, chương trình Âu hóa, hiệu Âu hóa, lí thuyết bình quyền, nữ quyền, cuộc đả thắng của thể thao, sự cường thịnh của nòi giống...* (*Số đỏ*); *sân*

*vận động, đá bóng thi...* (*Tinh thần thể dục*); *đánh phấn, tô son, mặc áo màu, học nhảy đầm, tân thời...* (*Cô Kiều - gái tân thời*); v.v... Có những “đoạn băng” ngôn từ phơi bày sản phẩm “Âu hóa” (mà thực chất là thâm họa của văn hóa lai căng):

*Đám cứ đi... Kèn ta, kèn Tây, kèn Tàu lần lượt thay nhau mà rộn lên. (...) Thật là đủ giai thanh gái lịch, nên họ chìm nhau, cười tình với nhau, bình phẩm nhau, chê bai nhau, ghen tuông nhau, hẹn hò nhau, bằng những vẻ mặt buồn rầu của những người đi đưa ma;*

*Hờ ngực, hở đùi là Chinh phục!  
Hờ đến nách và hở mịa vú là ngây thơ.*

(*Số đỏ*)

Có thể nói, văn tài họ Vũ đã sáng tạo thứ ngôn từ độc đáo, gai góc, sắc nhọn để phê phán phong trào “Âu hóa” đang diễn ra rầm rộ lúc đó. Mĩ từ “Âu hóa” mà bọn thực dân và những kẻ xu thời đang ra sức tô vẽ đã bị cây bút phóng sự, trào phúng bậc thầy này “bóc mẽ” bằng những câu văn vô cùng sắc sảo, thâm thúy.

Vấn đề thời sự “mua danh bán tước” của giới quan trường, đặc biệt là thủ đoạn “chạy ghế” nghị trường cũng bị các nhà văn hiện thực phanh phui:

*Dù ông biết việc tẩy uế nghị viện chẳng nữa, ông cũng không quan tâm. Người ta nói, kẻ người ta. Được dịp quan phụ mẫu ép ra để đánh đổ người ngài không ưa, được dịp cả quan nhà lân quan phủ bên cạnh tận lực cố động lấy phiếu cho, tội gì ông không tóm lấy. Người ta công kích thế, chứ giá chửi bới thế nữa, ông cũng mặc. Ông cứ tranh cử cho mà xem.*

(*Đi giày*, Nguyễn Công Hoan)

Lại lịch và “công đức” của vị “đại diện dân biểu” hiện diện bằng hàng loạt những từ ngữ “cửa miệng” mà các bậc “cửa quyền” đương thời vẫn dùng để lèo bịp dân chúng:

*Bước đường công danh của ông cũng bắt đầu từ chức lí trưởng, vượt qua những bậc phó tổng, chánh tổng rồi, com rượu, bò lợn và quan phủ, quan tỉnh hiệp sức với nhau đưa ông lên ghế nghị viện;*

*Cái đức không thêm biết... chữ của ông hơn hẳn các bạn đồng viện, tuy những ông ấy chỉ xuất thân bằng nghề lái lợn hay cai phu. Vào viện, ông cũng như hầu hết các ông nghị khác, không bàn và không cân nghe ai bàn. Nhưng ông cũng chỉ ngáp vặt, chứ không ngủ gật bao giờ vì sợ đôi giày Chí Long để ở dưới chân ghế lỡ bị mất trộm trong khi vẫn phải co chân lên mặt ghế cho hợp với thói quen của ông.*

(Tắt đèn, Ngô Tất Tố)

Con đường mua danh bán tước để đến chốn nghị trường và bán chất một dân hại nước của loại “nghị cầm”, “nghị gật” trong cái gọi là “Hội đồng dân biểu” do thực dân Pháp nặn ra và quảng cáo rùm beng đã bị bóc trần.

Làn sóng tranh đấu của quần chúng cách mạng cũng tạo nên làn sóng ngôn từ trong văn chương hiện thực. Nhiều từ ngữ chính trị, những khẩu hiệu tranh đấu đã “đi” vào tác phẩm của Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nguyên Hồng, ..., trở thành hiện tượng đặc trưng của ngôn ngữ văn chương hiện thực, khác biệt so với ngôn ngữ văn chương lãng mạn cùng thời. Nguyên Hồng đưa vào trang viết những thông tin xác thực về cuộc sống và tinh thần tranh đấu của công nhân:

*Tháng 6 - 1939. Một trong những tháng lịch sử của phong trào công nhân Bắc Kỳ, đặc biệt là ở Hải Phòng. Ngòi chiến tranh lăm le bùng nổ. Giá sinh hoạt vọt lên gấp đôi, gấp ba (...). Hơn 5.000 công nhân Máy tơ đã nổ biểu tình.*

(Người đàn bà Tàu)

Vũ Trọng Phụng dùng nhiều thuật ngữ chính trị mới trong kho từ vựng văn chương lúc đó như *cách mệnh, khẩu hiệu, giác ngộ, đình công* để miêu tả cuộc biểu tình chống thuế của dân chúng trước dinh Công sứ và “cập nhật”, phân tích tình hình thời sự thế giới:

*Khắp xứ Đông Dương chỗ nào cũng đình công, cũng biểu tình. Bên Âu châu thì tình hình quốc tế ngày càng căng. Việc Tây Ban Nha nổ bùng ra to, nhiều cường quốc nhảy bổ vào cuộc đăm chém. Thế giới chia ra hai phái của hai tư tưởng rõ rệt cộng sản chiến với tư bản. Chỗ nào cũng nổi lên phong trào bình dân đương đầu với quân phiệt...*

(Vỡ đê)

Nguyên Hồng đưa vào truyện *Người đàn bà Tàu* những số liệu như thông tin báo chí:

*Ngòi chiến tranh lăm le bùng nổ. Giá sinh hoạt vọt lên gấp đôi, gấp ba. Nhất là nhà ở, gạo, củi và vải (...). Thợ lương một ngày không được bốn hào...*

Ngôn ngữ giàu thông tin thời sự như vậy còn xuất hiện rất nhiều trong các phóng sự của Tam Lang, Trọng Lang, v.v...

Từ những trang viết của các nhà văn hiện thực, độc giả được tiếp nhận nhiều vấn đề sôi động trong đời sống,

chính trị, xã hội ở thành thị đương thời không thua kém so với sự tiếp nhận từ “kênh” báo chí. Tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự như muốn chạy đua cùng báo chí. Nhiều nhân vật của văn học hiện thực được xem như những bức chân dung kí họa chưa ráo mực của một số tên tuổi có thực lúc bấy giờ. Bộ mặt thành thị Việt Nam trên con đường “Âu hóa” và những vấn đề thời sự bức thiết đã theo ngôn ngữ ùa vào tác phẩm, giúp nhà văn phơi bày thực trạng xã hội đương thời.

2.2. Phản ánh cập nhật những vấn đề thời sự bức thiết ở nông thôn

Thuế thân và nạn cho vay nặng lãi ở nông thôn là một trong những vấn đề thời sự quan trọng hàng đầu của báo chí và công luận những năm 1936 - 1939. Dư luận công chúng đã nhiệt tình hưởng ứng hàng loạt bài báo thẳng thắn phanh phui thủ đoạn làm giàu của bọn quan lại, địa chủ ở nông thôn như:

*Cái khí giới của bọn phú hào dùng để bóc lột dân nghèo hay là nạn cho vay nặng lãi ở thôn quê.*

(*Báo Tương lai*, số ra ngày 25/2/1937)

*Trừ nạn cho vay nặng lãi, lại xảy ra nạn bán rẻ.*

(*Báo Thời vụ*, số 39 - 24/6/1938)

Vấn đề trên cũng được phản ánh sâu sắc qua hàng loạt phóng sự, tiểu thuyết, truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, hiện diện trên hệ thống ngôn từ của các tác phẩm. Tiêu biểu như *Tất đần* của Ngô Tất Tố. Trong cuốn tiểu thuyết này có tới gần 50 lượt từ *suu* và 30 lượt từ *thuế* xuất

hiện (những từ này hầu như xa lạ với văn xuôi lãng mạn). Cùng với việc lựa chọn chất liệu từ ngữ, nhà văn còn coi trọng việc tổ chức ngôn ngữ trong tác phẩm để xoáy sâu và làm nổi bật vấn đề xã hội bức thiết này. Hai từ *suu*, *thuế* được sử dụng trong tất cả các thành phần ngôn ngữ của tác phẩm, từ lời trần thuật đến lời miêu tả; từ lời đối thoại đến độc thoại nội tâm. Hai từ *suu*, *thuế* cũng xuất hiện trong ngôn ngữ của hầu hết các nhân vật, từ quan lại đến bậc cùng đinh, từ già đến trẻ: Tri phủ Tư Ân, vợ chồng Nghị Quế, lí trưởng, chánh tổng, trương tuần, thủ quỹ, cai lệ, người nhà lí trưởng, bà lão hàng xóm, anh Dậu, chị Dậu, thằng Dần, con Tý... nhân vật nào cũng cất lên những lời “nóng bỏng” về *suu*, *thuế*. Cả ngôn ngữ người trần thuật và ngôn ngữ nhân vật đều gắn với vấn đề nóng bỏng này:

*Suốt từ sáng sớm cho đến tối mờ, trong làng lúc nào cũng như đám đánh cướp. Bấy giờ đã gần đến ngày đổ thuế. (lời người trần thuật);*

*Cày đã nóng bằng thuế của Nhà nước à?; Đứa nào chưa có suu hay chưa có thuế thì cứ trối cổ lại và điếu ra đây... (lời lí trưởng làng Đông Xá);*

*Chết cũng không trốn được suu Nhà nước. (lời thủ quỹ);*

*Trời ơi! Em tôi chết rồi còn phải đóng suu, hờ trời? Tôi biết đâm đầu vào đầu cho được hai đồng bẩy bạc bây giờ? (lời chị Dậu)*

Tác giả còn tạo nên những mệnh đề đối xứng trong câu văn như: “*Hồng thủy trướng giạt*” - “*suu thuế giới kì*” để phản ánh không khí căng thẳng của nông thôn trong những ngày “*thuế thúc trống dồn*”.

Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan còn sử dụng cả những con số “biết nói” để vạch cái khí giới mà bọn quan lại, địa chủ, chức dịch sâu một đương thời dùng để bóc lột dân quê:

Thuế làng *bỏ hai đồng* một mẫu, các ông thu của ngoại canh *ba đồng năm hào*...

(*Tắt đèn*, Ngô Tất Tố)

Mỗi suất sưu hạng bảy bị thu lạm 0đ37 và hạng trên mỗi suất 0đ30. Như vậy 328 xuất đinh, hai tên một ấy đã hà lạm 111đ14. (...) Tổng cộng tất cả đinh điền, lí trưởng và chánh hội làng chúng tôi đã lạm thu được 230đ54.

(*Bước đường cùng*, Nguyễn Công Hoan).

Trên những trang văn viết về cảnh sưu thuế ở nông thôn, người ta gặp những câu văn dạng “mệnh lệnh thức” đe dọa đám dân đen từ cửa miệng các quan cai trị:

*Liệu hồn, không có xong thuế, ông tổng cổ;*

*Thằng kia nhà khá mà cũng thiếu tiền thuế, sao không đánh ựa com nó ra.*

(Lời lí trưởng làng An Đạo và lời quan phụ mẫu trong *Bước đường cùng*)

*Khai từ rồi cũng phải đóng sưu...*  
(lời lí trưởng làng Đông Xá trong *Tắt đèn*).

Cũng về vấn đề sưu thuế, trong tiểu thuyết *Sống mòn*, mượn lời nội tâm của nhân vật Thứ, Nam Cao thuật lại một cảnh tượng tróc thuế ghê sợ:

*Một lần, y được thấy ông bá Kiến sai trời mười bảy người và đánh một người lòi mắt.*

Cùng với chính sách sưu thuế man rợ của thực dân Pháp, những thủ đoạn bóc lột tàn nhẫn, bất nhân của bọn cường hào địa chủ cũng là nguyên nhân “bức tử sự sống” đối với những người dân quê thời đó. Các nhà văn hiện thực đã thẳng thắn vạch trần nạn cho vay nặng lãi, hà lạm, ức hiếp phổ biến ở nông thôn trong những ngày “thuế thúc trồng đồn”. Trong *Tắt đèn*, Ngô Tất Tố mượn lời vợ chồng Nghị Quế trong cuộc mặc cả mua ô chó và đưa con của chị Dậu để phơi bày bộ mặt giả nhân giả nghĩa và thủ đoạn làm giàu bản thù của bọn trọc phú ở thôn quê:

*Trong lúc thuế má ngặt ngại, đồng bạc cho vay, lãi ngày năm xu, người ta đã phải bỏ ra mà mua đàn chó mới mở mắt, thế là người ta đã làm ơn cho mày...*

Hay mượn lời mẹ vợ Nghị Quế mặc cả mua ô chó và đưa con của chị Dậu để tố cáo lòng lang dạ thú của bọn địa chủ bất nhân:

*Bắt con chó cái và đàn chó con sang đây, tao trả cho một đồng, với con bé con một đồng là hai... (giá một con người chỉ bằng giá một ô chó!);*

Mượn lời tri phủ Tư Ân mắng lí trưởng làng Đông Xá để vạch trần hành động “cướp ngày” của bọn cường hào, lí dịch:

*Vụ thuế này mày kiếm của đưa ngoại canh được mấy trăm đồng. Còn chục thu lạm của thằng cùng đinh...*

Nhà văn mượn lời nhân vật để kết án xã hội bất công:

*Trời ơi! Em tôi chết rồi còn phải đóng sưu, hờ trời?*

Tiếng kêu đau đớn, phẫn uất của chị Dậu cất lên giữa một trời giông bão là lời tố cáo đanh thép của nhà văn đối với kẻ thù của dân tộc và bè lũ tay sai của chúng. Có thể thấy rằng, với ý thức tự giác và nhận thức sâu sắc về tội ác sưu thuế và những thủ đoạn bóc lột tàn bạo mà bọn thực dân phong kiến đã gây ra đối với nhân dân ta, các nhà văn hiện thực đã chủ động dùng sức mạnh của ngòi bút để phản ánh và tố cáo hiện thực. Ngôn ngữ nghệ thuật đã đóng vai trò tích cực trong việc chuyển tải không khí căng thẳng ở nông thôn Việt Nam giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 và bộc lộ thái độ của nhà văn trước hiện thực.

Trong những vấn đề thời sự mà văn xuôi hiện thực phê phán đã phản ánh, nổi bật và tập trung, sâu sắc nhất có lẽ là vấn đề *miếng ăn* và *cái đói* của những người dân quê - hậu quả của chính sách thuế khóa vô nhân đạo và thủ đoạn bóc lột tàn bạo của bọn thực dân, phong kiến. Thực trạng này như một căn bệnh ác tính đang hủy hoại vừa âm thầm vừa dữ dội cuộc đời những người nông dân nghèo khổ. Các nhà văn hiện thực đã tập trung bút lực vào “mổ xẻ” căn bệnh này của xã hội đương thời. Ngôn ngữ nhiều tác phẩm của Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng, Tô Hoài, Nam Cao đã xoáy sâu vào tình cảnh “Kiếp người cơm vãi cơm rơi”. Chỉ tính trong truyện ngắn *Nghèo* của Nam Cao đã có tới 21 lần xuất hiện từ *ăn* và 3 lần từ *đói*; truyện *Trẻ con không được ăn thịt chó* có 19 lần từ *ăn* và 2 lần từ *đói*; truyện *Một bữa no*: 41 lần từ *ăn*, 2 lần từ *đói*; v.v... Các thành ngữ về cái đói cũng được các nhà văn khai thác và vận dụng thường xuyên: *đói vàng cả mắt* (*Tất Đền*); *đói mờ cả mắt*, *đói rã rời cả*

*chân tay* (*Bi vô*); *đói đeo đói dắt* (*Lão Hạc*); v.v... Những từ ngữ trên đều gắn liền với ngữ cảnh tạo sắc thái ý nghĩa “âm tính” về miếng ăn, cái đói hàng ngày hành hạ những con người khốn khổ. Hỗ trợ cho những từ chủ chốt về hiện trạng miếng ăn và cái đói trong các tác phẩm còn có hàng loạt những từ ngữ cùng trường nghĩa. Thí dụ, ở tiểu thuyết *Tất Đền* ngoài từ *ăn* và *đói* còn có các cụm từ: *làm gì có tiền đóng gạo*, *có đói thì hãy ăn tạm củ khoai sống vậy*, *ngồi cạnh rổ khoai nuốt nước dãi ừng ực*, *cắn ngấu nghiền*, *ăn thừa cơm chó*, v.v... Truyện ngắn *Nghèo* có một trường từ vựng miêu tả cảnh đói ăn của nhà nghèo: *hết cơm*, *nuốt nước bọt*, *chưa được tí gì vào bụng*, *nuốt thòm đi*, *có mà ăn là phúc*, *cổ nuốt*, *ma đói*, *ăn cám*, v.v... Từ trang viết của các tác giả đã hiện lên hình hài những đứa trẻ *đói vàng cả mắt* (*Tất Đền*, Ngô Tất Tố), *nước da đen xám*, *dãn đeo* (*Hai cái bụng*, Nguyễn Công Hoan), *Bụng đứa nào cũng dính gần đến lưng* (*Trẻ con không được ăn thịt chó*, Nam Cao); hiện lên hình ảnh những người đàn bà *hai má hõm xanh búng như người ngã nước* (*Nghèo*, Nam Cao), *cần như một que củi* (*Nhà bố Nấu*, Nguyễn Hồng). Có những cảnh ngộ thật xót xa:

*Đã nửa tháng nay, cả nhà cháu không biết hột cơm, hột gạo là gì cả, mà cám cũng ít có.*

(*Làm no*, Ngô Tất Tố)

*Ba tháng nay, bà lão chỉ ăn toàn bánh đúc. Mới đầu còn được ngày ba tấm. Sau cùng thì một tấm cũng không có nữa. (...). Mấy hôm nay bà nhịn đói.*

(*Một bữa no*, Nam Cao)



Bằng phương tiện ngôn ngữ, các nhà văn hiện thực đã tạo nên những hình ảnh và những chi tiết nghệ thuật đầy sức ám ảnh, phản ánh kịp thời, sâu sắc tình trạng đói và bao thảm cảnh đen tối đe dọa sinh mạng của người lao động. Đây là một nội dung quan trọng trong cuộc cách mạng phản đế và phản phong của dân tộc. Ngôi bút của các nhà văn hiện thực đã góp phần tạo động lực cho cuộc nổi dậy “dần xương để quốc, xẻo môi quan trường” của quần chúng cách mạng. Lời nhân vật người đàn bà Đông Xá: *Mày trời ngay chồng bà đi, bà cho mày xem (Tắt đèn)* cũng chính là vấn đề thời sự *Tức nước vỡ bờ* của xã hội đương thời vang vọng trong ngôn ngữ của tác phẩm; đồng thời bày tỏ thái độ phản kháng quyết liệt của nhà văn đối với xã hội bất công, bạo ngược; đúng như đánh giá của Nguyễn Tuân: *Viết như thế, khác gì “xui người nông dân nổi loạn”, “phát động quần chúng đấu tranh”.*

### 3. Thay cho lời kết

So với ngôn ngữ nghệ thuật trong văn học cách mạng, ngôn ngữ văn học hiện thực phê phán còn ít những từ ngữ, câu văn, đoạn văn trực tiếp miêu tả, phản ánh phong trào tranh đấu “rung trời cách mạng” của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng; còn thiếu hệ thống từ ngữ về lí tưởng cách mạng của giai cấp Vô sản rất phổ biến đối với quần chúng công nông lúc đó. Tuy nhiên, như Lênin đã chỉ rõ: “Khi xét công lao lịch sử, người ta không căn cứ vào chỗ là các nhà hoạt động lịch sử *đã không cống hiến được gì so với nhu cầu của thời đại chúng ta, mà căn cứ vào chỗ họ*

*đã cống hiến được gì mới so với các bậc tiền bối của họ”* [3, 194]. Trên tinh thần đó, trào lưu văn học hiện thực phê phán Việt Nam đã làm tròn sứ mệnh lịch sử của nó, góp phần mô tả một cách xác thực đời sống xã hội, phản ánh những vấn đề thời sự cấp thiết, giúp người đọc thấy rõ bản chất của xã hội hiện thời. Ngôn ngữ chính là phương tiện đắc dụng giúp các nhà văn hiện thực hoàn thành trọng trách này. Các nhà văn hiện thực, phê phán đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương thức biểu đạt; các phương tiện, biện pháp tu từ để phản ánh những vấn đề thời sự và thể hiện thái độ của người cầm bút. Có ý kiến cho rằng: “Chữ viết của tác phẩm là biểu hiện của một hoàn cảnh xã hội” [1, 235]. Ý kiến này thật thích hợp đối với văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945. Bằng hệ thống ngôn ngữ giàu tính thời sự, các nhà văn hiện thực đã mô tả một cách chân thực đời sống, tái hiện thành công những bức tranh hiện thực có giá trị và đặc biệt là truyền được không khí thời sự nóng hổi, sự sôi của thời đại vào tác phẩm. Đó là một đặc điểm nổi bật và cũng là một thành công đáng ghi nhận của văn xuôi hiện thực phê phán Việt Nam 1930 - 1945.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Ngọc Trà, *Về khái niệm hiện đại hóa trong văn học*, T/c Văn học, Số 6 (349), 2000.
2. Xuskôv Bôrix, *Sổ phân lịch sử của chủ nghĩa hiện thực*, (Hoàng Ngọc Hiến, Lại Nguyên Ân, Nguyễn Hải Hà dịch), Nxb Tác phẩm mới, H., 1980.
3. Lê Nin *bàn về văn hóa văn học*, Nxb Văn học, 1977.